

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HUỆ  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08-5-2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Bích Liên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Mai Văn Công

Ông Nguyễn Văn Tư.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Giang Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Ngọc L (tên gọi khác: Nị) - Sinh năm 1991 - Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện Đ, tỉnh A. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Ngô Thành X - Sinh năm 1985 - Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện Đ, tỉnh A. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2018, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc L trình bày: bà L và ông Ngô Thành X cưới nhau năm 2010, đăng ký kết hôn ngày 23/8/2010 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã M, huyện Đ, tỉnh A. Chung sống đến tháng 10 năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên gây cãi dẫn

đến mất hạnh phúc gia đình. Gia đình hai bên đã tạo cơ hội đoàn tụ nhưng không thành. Bà L đã ly thân với ông X từ tháng 02 năm 2018 đến nay.

Về hôn nhân: bà L yêu cầu ly hôn với ông X

Về con chung: có 01 con chung tên Ngô Kiếm P, sinh ngày 13/12/2010. Hiện con chung đang sống với bà L. Bà L yêu cầu con theo ai người đó nuôi, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ: không có tài sản chung, không có nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung và nợ.

Tại phiên tòa, bà L trình bày: ông X thường chơi game và uống rượu, không quan tâm chăm sóc gia đình. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do bà L bất đồng quan điểm với gia đình bên chồng, từ khi bà L bị té xe đến nay gia đình bên chồng không ai thăm hỏi nên bà yêu cầu ly hôn với ông X. Từ trước đến nay, ông X chỉ ít quan tâm chứ không có hành vi ngược đãi đối với bà. Từ khi mâu thuẫn phát sinh đến nay, ông X đi làm công nhân tại huyện Đức Hòa vẫn về nhà hàng ngày, những vấn đề chung trong gia đình như chăm sóc giáo dục con chung hoặc mua sắm tài sản trong gia đình thì bà và ông X vẫn trao đổi, bàn bạc với nhau. Bà L có tìm cách để giải quyết mâu thuẫn gia đình thì ông X chỉ im lặng chứ cũng không gây cãi. Hằng tháng ông X đều trích từ tiền lương của ông X để đưa cho mẹ ruột của bà góp hụi, chi phí trong gia đình. Con chung thể hiện nguyện vọng muốn sống chung với bà L nên bà L yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Ngô Thành X đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, thời gian chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng, vẫn còn cơ hội đoàn tụ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, không cho bà L ly hôn với ông X.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Bà Đặng Thị Ngọc L khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Ngô Thành X. Ông X cư trú tại huyện Đ, tỉnh A nên Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh A thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: ông X đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông X không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, không có mặt để tham gia hòa giải vì vậy đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông X đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vụ án vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà L:

[3.1]. Bà L và ông X xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 23/8/2010 tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh A nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông X là hôn nhân hợp pháp theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Về mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông X: lời khai của bà L tại phiên tòa phù hợp với các biên bản xác minh ngày 01/3/2019 đối với Phó trưởng Công an xã M và trưởng ấp 2 xã M về việc từ khi mâu thuẫn phát sinh đến nay thì ông X vẫn đi về nhà hàng ngày và sinh sống cùng với bà L tại nhà cha mẹ ruột của bà L. Bà L cũng thừa nhận rằng ông X chỉ hay chơi game và uống rượu chứ không có hành vi ngược đãi hay gây cãi đối với bà, hàng tháng ông X vẫn trích lương để chi phí trong gia đình, những vấn đề chung trong gia đình như mua sắm hoặc chăm sóc giáo dục con chung thì bà và ông X vẫn trao đổi với nhau để quyết định. Nguyên nhân mâu thuẫn chính vì bà L bất đồng quan điểm với gia đình bên chồng. Từ những thừa nhận của bà L tại phiên tòa thấy rằng ông X không có hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cuộc sống chung giữa bà L và ông X còn nhiều điều kiện tồn tại khi bà L tạo cơ hội cho ông X khắc phục các hạn chế trong sinh hoạt hàng ngày. Vì vậy việc bà L yêu cầu ly hôn với ông X là không có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[4]. Về con chung: Yêu cầu ly hôn của bà L không được chấp nhận, bà L và ông X vẫn là vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc nuôi con chung, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L cho rằng không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6]. Với những nhận định trên thì đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà L đã nộp. Ông X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc L về việc “ly hôn” đối với ông Ngô Thành X.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị Ngọc L và ông Ngô Thành X vẫn là quan hệ vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Đặng Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà L đã nộp theo biên lai thu số 0004392 ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Thạnh Bắc (*để ghi sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Trần Thị Bích Liên**